

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI MỸ LỢI**

Số: 0603/2025/TB-ML

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

(V/v đề nghị Nhà phân phối cung cấp, cập nhật thông tin)

- Căn cứ ND40/2018 ND-CP ngày 12 tháng 03 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp được sửa đổi, bổ sung bởi ND18/2023 ND-CP ngày 28 tháng 04 năm 2023;
- Căn cứ Quy tắc hoạt động của Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Mỹ Lợi;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Mỹ Lợi thông báo tới Quý Nhà phân phối với nội dung như sau:

1. Thông qua quá trình rà soát, liên hệ, quản lý Nhà phân phối của Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Mỹ Lợi (Công ty), Công ty đề nghị những Nhà phân phối có tên trong danh sách đính kèm liên hệ với công ty để cung cấp, cập nhật thông tin theo đúng quy định.
2. Thời gian liên hệ cung cấp, cập nhật thông tin:
 - Các Nhà phân phối trong danh sách nêu trên liên hệ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Mỹ Lợi để cung cấp, cập nhật thông tin trước ngày 21 tháng 03 năm 2025.
 - Nếu quá thời gian nêu trên mà Nhà phân phối không liên hệ với công ty để cung cấp, cập nhật thông tin theo quy định thì Công ty sẽ tiến hành khóa mã số ID và tạm ngừng quyền kinh doanh của những Nhà phân phối đó.
3. Thông tin liên hệ:
 - Địa chỉ: Số 21 Đường số 40, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
 - Số điện thoại: 028 3740 8298
4. Công ty thông báo tới Quý Nhà phân phối và rất mong nhận được sự hợp tác từ quý vị để đảm bảo việc thực hiện, quản lý Nhà phân phối theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Lưu: HC, KT;
- Các phòng ban.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)



PAN, CHIH - HENG

Handwritten signature and date 3/7

Danh sách Nhà phân phối phải liên hệ tới Công ty để cung cấp, cập nhật thông tin đính kèm thông báo
Số: 0603/2025/TB-ML ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Mỹ Lợi



		Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
	VN20110042	PHAM THI HUE	04/05/1945	213/3 TET MAU THAN P4 MY THO TIEN GIANG	N010550
2	VN20110071	NGUYEN GIA THAO PHUONG	08/12/1988	206 DONG DA THANH PHO MY THO	N009012
3	VN20130212	LAM THI THU TUOC	01/11/1961	447 LUONG DINH CUA, TX SOC TRANG, SOC TRANG	N100135
4	VN20130286	NGUYEN THANH TRIEU	05/11/1981	AN QUOI - AN THANH THUY - CHO GAO - TIEN GIANG	N017238
5	VN20130469	NGUYEN THI LAN	15/08/1964	98 AN TRACH, P.CAT LINH, DONG DA, HA NOI	N017241
6	VN20140383	LE THI ANH HONG	01/10/1963	TAN LY TAY CHAU THANH TIEN GIANG	N000083
7	VN20140522	TRAN VAN CHINH	06/12/1958	TAY THANH, TAN LY TAY, CHAU THANH, TIEN GIANG	N001401
8	VN20150155	TRAN THI LAN ANH	12/12/1976	390 TRUONG CHINH, P. KHUONG THUONG, Q. DONG DA, HA NOI	N009402
9	VN20150199	NGUYEN THI TUYET MAI	09/09/1978	AP HIEU MINH, XA HIEU NHON, HUYEN VUNG LIEM, VINH LONG	N009391
10	VN20150241	LE DINH PHAI	16/04/1938	SO 37, NGACH 91, NGO 378, THUY KHE, Q.TAY HO, HA NOI	N010129
11	VN20150254	PHUNG XUAN HANH	13/04/1951	10B/3, PHAN BOI CHAU, PHUONG 3, MY THO, TIEN GIANG.	N010141
12	VN20150292	LE THI HONG HOA	07/01/1954	BINH KHANH 5, BINH KHANH, TP.LONG XUYEN, AN GIANG	VN20150292
13	VN20150304	DONG DUC VINH	29/12/1946	10B/3 PHAN BOI CHAU, P.3, TP.MI THO, TIEN GIANG	N009704
14	VN20150393	PHAM THI THANH DUYEN	08/08/1990	LAI THANH, KIM SON, NINH BINH	N009822
15	VN20160305	NGUYEN THI TUOI	20/12/1962	BINH LANG- TU KI-HAI DUONG	N010774
16	VN20160368	DO THUY NHUNG	21/10/1966	G6 DUONG VO VAN KIET-P. PHU THUY-PHAN THIET- BINH THUAN	N010721
17	VN20160378	TRAN ANH TUAN	27/07/1968	C7/P.6-VAN MIEU- NAM DINH- TP NAM DINH	N010852
18	VN20160387	DANG THANH TRUNG	03/02/1996	PHU THUY- PHAN THIET-BINH THUAN	N009001
19	VN20170032	DO DUONG KHANH VY	13/12/1994	TAN THIEN-TX.LAGI-BINH THUAN	VN20170032
20	VN20170042	NGUYEN CAO TRI	24/01/1996	56- TRAN QUOC TOAN-PHUONG 6-TP SOC TRANG-TINH SOC TRANG	N017160
21	VN20170045	NGUYEN HUU TRI	28/08/1993	XA THANH NGOC-HUYEN THANH CHUONG- NGHE AN	N017161
22	VN20170095	NGUYEN DUONG THANH	01/01/1992	42 PHO TRIEU THI KHOAN HOA-TO 14-P. HUNG VUONG-TX. PHUC YEN-VINH PHUC	N017316
23	VN20170133	HUYNH VAN NHUT	01/01/1958	BA LANG-LONG AN-LONG HO-VINH LONG	VN20170133
24	VN20170148	DANG KIM CUONG	02/08/1963	ANH DUNG-TAN THANH A- TAN HONG-DONG THAP	N010242
25	VN20170180	DUONG THI LAN	23/09/1960	42-PHO TRIEU THI KHOAN HOA-TO 14-DUONG HUNG VUONG-TX PHU YEN-TINH KHANH HOA	N010580
26	VN20170192	PHAM THI HUE THU	22/09/1968	75 DONG DA-PHUONG 4-MY THO-TIEN GIANG	N017270
27	VN20170196	DANG MY KIM	05/08/1955	77 DONG DA-F.4-MY THO-TIEN GIANG	N017272
28	VN20170236	LE QUY QUYEN	03/10/1984	KHANH NHAC, YEN KHANH, NINH BINH	N010274
29	VN20170253	DUONG VAN SUC	08/04/1986	16B NGO 192 KIM GIANG-DAI KIM-HOANG MAI-HA NOI	N010643
30	VN20170287	NGUYEN THI HOA	12/02/1978	TO DAN PHO 7, P.NINH HIEP, TX. NINH HOA, KHANH HOA	N010292
31	VN20170289	NGUYEN THI TUYET OANH	01/01/1980	AP HOA TIEN-MONG THO-CHAU THANH-KIEN GIANG	N023211

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
32	VN20170303	TRAN THI HANH	01/01/1948	AP CHO-TT CU LAO DUNG-SOC TRANG	N010362
33	VN20170305	NGO TRI DUNG	24/04/1986	THON VAN-THANH LIET-THANH TRI-HA NOI	N010363
34	VN20170317	NGUYEN THAI THUY	25/12/1962	341 AP TAN VINH THUAN, TAN NGAI, TP VINH LONG, VINH LONG	VN20170317
35	VN20170319	NGUYEN NGOC ANH	07/12/1957	CHAU VAN LIEM, O MON, CAN THO	VN20170319
36	VN20170320	TONG CONG ANH	07/07/1991	PHUONG TAN SON-TP THANH HOA-THANH HOA	N023188
37	VN20170331	BE THI DIEP	12/12/1978	TT XUAN HOA-H. HA QUANG-T. CAO BANG	N023224
38	VN20170333	BUI VAN TIEP	15/07/1989	KIM SON-DONG TRIEU-QUANG NINH	N023229
39	VN20170339	VU THI THUY NINH	28/03/1998	THU CUC-THUY HUNG-THAI THUY-THAI BINH	VN20170339
40	VN20170358	VU THI HOI	04/08/1960	HUNG VUONG-PHUC YEN-VINH PHUC	N009044
41	VN20180011	BUI THI BICH NGOC	16/01/1968	P. TRAN PHU-TX HA GIANG-T. HA GIANG	VN20180011
42	VN20180012	LE THI MAI	25/08/1992	XUAN TIN-THO XUAN-THANH HOA	VN20180012
43	VN20180015	TONG THANH DUC	12/03/1994	42-CUA HUU-P. TAN SON-TP THANH HOA-T. THANH HOA	N010386
44	VN20180034	LUONG THI THUY HANG	01/01/1961	QUOC LO 1-HANH TRI-QUANG SON-NINH SON-NINH THUAN	N010393
45	VN20180056	LE BAO LE	22/11/1989	CANH DUONG, QUANG TRACH, QUANG BINH	N010352
46	VN20180058	CAO VU DUC MINH	25/12/1990	159 CHI LANG, P.12, VUNG TAU, BA RIA - VUNG TAU	N010353
47	VN20180065	NGUYEN HONG PHUC	11/10/1983	2162 TO 4, AP 7, XA TAN TAY, HUYEN GO CONG,TINH TIEN GIANG	N018026
48	VN20180068	PHAM VAN TRANG	12/01/1968	22B, BINH GIA, P.8, VUNG TAU, BA RIA VUNG TAU	N100002
49	VN20180082	NGUYEN TU ANH	05/06/1991	THON 19, XA CU EWI, H. CU KUIN, DAK LAK	N100007
50	VN20180115	VU THI THEN	21/10/1963	193/7 NGUYEN THAI BINH, THON 9, XA HOA THANG, TP BUON MA THUOT	N100403
51	VN20180125	TRUONG KIM DUOC	01/01/1966	THOI MY 2, VINH THOI, LAI VUNG, DONG THAP	N100408
52	VN20180127	LE THI DIEM	01/01/1983	HOA THUONG, KIEN AN, CHOI MOI, AN GIANG	N100404
53	VN20180148	LY VAN TY	02/01/1987	VAN YEN, DAI TU, THAI NGUYEN	N009027
54	VN20180158	TRAN THI NGOC TRAM	01/05/1972	VINH HOA, VINH KIM, CHAU THANH, TIEN GIANG	N100386
55	VN20180163	NGO THI KIM CHI	29/04/1987	TAN THANH, TAN LY TAY, CHAU THANH, TIEN GIANG	N100266
56	VN20180165	TRAN VAN HIEP	01/01/1975	TO 19, LIEN NGHIA, DUC TRONG, LAM DONG	N100396
57	VN20180192	HUYNH THANH LIEM	20/05/1954	THANH DONG, TAN HIEP, KIEN GIANG	N100203
58	VN20180198	CHU THI LOAN	10/08/1986	THON LUU KHE,LIEU BAT,UNG HOA, HA NOI	N100042
59	VN20180228	HUYNH PHU NGOC TRAM	27/10/1992	THANH DONG, TAN HIEP, KIEN GIANG	N100482
60	VN20180233	TRUONG THI VAN	01/01/1956	302, TO 12, AN THANH, HOA BINH,CHO MOI, AN GIANG	N100182
61	VN20180242	LE THI THUY HANG	07/10/1984	XUAN DUONG, THANH OAI, HA NOI	N100199
62	VN20180262	NGUYEN THI THOM	02/07/1972	QUYNH HOA, QUYNH PHU, THAI BINH	N100273
63	VN20180265	LE THI ANH	09/06/1973	001B, TO 31, PHO KIM DONG, P. HOP GIANG, TP CAO BANG	N100097
64	VN20180266	NGUYEN THI THU	24/09/1955	105 BIS, TET MAU THAN, PHUONG 4, MY THO, TIEN GIANG	N100275
65	VN20180275	NGUYEN THI TU	10/02/1995	NGHIA KHANH, NGHIA DAN, NGHE AN	N100852

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
66	VN20180281	DAO BA THIEM	15/02/1976	THON PHU LANG, XA PHU LUONG, HUYEN QUE VO, TINH BAC NINH	N100325
67	VN20180294	PHAM THI THEM	05/05/1975	THON 09, EA PIL, M'DRAK, DAK LAK	N100818
68	VN20180296	DO THI TU TRINH	16/08/1987	PHU DIEN, HOA DONG, TAY HOA, PHU YEN	N100205
69	VN20180312	TRAN THI HANG	20/04/1980	HOI GIA, MY PHONG, MY THO, TIEN GIANG	N100283
70	VN20180318	TRUONG DIEM THUY	16/04/1971	207 NGO QUYEN, TP. RACH GIA, KIEN GIANG	N100284
71	VN20180324	PHAN THI HOP	24/02/1960	THON LIEN TRUNG, XA TAN HA, HUYEN LAM HA, LAM DONG	VN20180324
72	VN20180326	PHUNG THI HIEN	01/06/1960	81 DUONG 3/2, DA TEH, LAM DONG	N100909
73	VN20180327	LE THI MAI	13/09/1968	XA EA RAL, HUYEN EA H'LEO, DAK LAK	N100602
74	VN20180328	NGUYEN HUU BANG	05/10/1995	XA EA PIL, HUYEN M DRAK, DAK LAK	N100100
75	VN20180337	NGUYEN VAN VINH	15/05/1971	SON DUNG, SON TAY, QUANG NGAI	100228
76	VN20180339	VU THI BICH	01/02/1997	XOM 3, TAN AN, LOC HOA, NAM DINH	N100922
77	VN20180340	DOAN VAN TINH	24/08/1983	AN TRACH DONG, THANH THOI A, MO CAY NAM, BEN TRE	N100846
78	VN20180351	NGUYEN THI KHE	01/01/1941	TRUNG NHUT, THOT NOT, TP CAN THO	N100575
79	VN20180372	LE THI HANH	12/09/1957	DONG THANH, DONG SON, THANH HOA	N100344
80	VN20180379	NGUYEN THI THUY	01/01/1965	VI THANG, VI THUY, HAU GIANG	N100345
81	VN20180386	NGUYEN THI HOANG MINH	01/04/1977	75 PHAM THANH, P.5, TP. MY THO, TIEN GIANG	N100957
82	VN20180396	LE THI HUONG	08/03/1968	308 DUONG NGUYEN TRONG KY, PHUONG CAM LOI, CAM GIANH, KHANH HOA	N101024
83	VN20180403	VU DINH CUONG	15/01/1987	XA YEN LOC, HUYEN Y YEN, TINH NAM DINH	N100445
84	VN20180409	HOANG THI THUYET	26/08/1956	P. NGHI HUONG, THI XA CUA LO, NGHE AN	N101108
85	VN20180421	CHU THI BINH	14/08/1984	X9 DIEN TRUONG, HUYEN DIEN CHAU, NGHE AN	N100894
86	VN20180422	NGUYEN THI THANH NHAN	02/10/1981	206 DONG DA, PHUONG 4, MY THO, TIEN GIANG	N101201
87	VN20180427	LAM THI THUY NGA	20/04/1961	MY AI, MY KHANH, PHONG DIEN, TP CAN THO	N100446
88	VN20180428	TRAN QUOC HUNG	25/01/1956	15/30 SU THIEN AN, TP RACH GIA, KIEN GIANG	N100448
89	VN20180462	TRAN TRONG HIEU	20/10/1986	AP 2, PHUOC THANH, CHAU THANH, BEN TRE	N101043
90	VN20180510	NGUYEN NGOC OANH	09/09/1972	52B TRAN THI THUM, PHUONG 9, TP. MY THO, TIEN GIANG	N100142
91	VN20190008	NGUYEN THI BACH TUYET	25/09/1982	XA TIEN LONG, HUYEN CHAU THANH, BEN TRE	VN20190008
92	VN20190011	TO THI BICH HANH	21/08/1970	PHAN DINH PHUNG, TP. THAI NGUYEN, TINH THAI NGUYEN	N100676
93	VN20190015	LY BINH	23/11/1992	KHU 4, THI TRAN CAI BE, TIEN GIANG	N101602
94	VN20190021	TRAN THI QUY MAO	02/06/1963	18, TRU VAN THO, KPI, PHUONG 5, MY THO, TIEN GIANG	N100147
95	VN20190030	NGUYEN THI TIEN TOI	10/06/1983	AP 3, XA TAN TAY, GO CONG DONG, TIEN GIANG	N101701
96	VN20190034	TRAN QUANG DUONG	11/04/1971	SO 12/175 NGUYEN DUC CANH, LE CHAN, HAI PHONG	N101673
97	VN20190037	NGUYEN THI HANG	20/08/1989	XOM 9, PHUONG HOANG, THANH HA, HAI DUONG	VN20190037
98	VN20190044	HUYNH THI HIEN	01/01/1966	THI TU SOC SON, HON DAT, KIEN GIANG	N100114
99	VN20190058	NGUYEN THI MAI	15/10/1962	MINH TIEN, PHU CU, HUNG YEN	N101674

93
ÔNG
T T
THU
M
LÀNH

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
100	VN20190061	HUYNH THI TUONG	01/01/1964	NGOC DUOC, HUNG THANH, VINH LOI, BAC LIEU	N107996
101	VN20190062	NGUYEN THI KIM LIEN	23/05/1985	TO 41A, THUAN PHUOC, Q. HAI CHAU, TP. DA NANG	N100897
102	VN20190070	HUYNH THI NGOC HIEU	25/11/1989	AP RACH COC, XA TAN AN LUONG, VUNG LIEM, VINH LONG	N101705
103	VN20190096	DO THI BICH LIEN	26/03/1973	1078 DUONG 23/10, VINH THANH, NHA TRANG, KHANH HOA	N101717
104	VN20190097	DOAN THI HUONG	30/01/1967	TIEU KHU KHI TUONG, THI TRAN NONG TRUONG, MOC CHAU, SON LA	VN20190097
105	VN20190110	NGUYEN NGOC TAM	20/01/1966	442/1 PHU PHUNG, CHO LACH, BEN TRE	N101341
106	VN20190114	HUYNH THI HUYNH MAI	15/09/1992	AP RACH BEO, XA LONG DUC, TP TRA VINH, TRA VINH	N101386
107	VN20190116	PHAM TO OANH	01/02/2000	THON BINH CACH, XA HA THANH, HUYEN TU KY, TINH HAI DUONG	VN20190116
108	VN20190117	LE HUYNH ANH THU	09/02/1995	THON 3, LOC QUANG, BAO LAM, LAM DONG	N100900
109	VN20190121	NGUYEN THI NGOC YEN	01/01/1972	KHU PHO 4, THI TRAN VINH BINH, GO CONG TAY, TIEN GIANG	N101402
110	VN20190122	DINH THU THI	27/10/1981	TK BO BUN, TT NONG TRUONG, MOC CHAU, SON LA	VN20190122
111	VN20190123	NGUYEN HUU HIEU	05/02/1960	TIEU KHU CO QUAN, THI TRAN NONG TRUONG, MOC CHAU, SON LA	VN20190123
112	VN20190146	NGUYEN THANH NHO	10/03/1962	TAN PHUOC, THI XA LA GI, BINH THUAN	N101396
113	VN20190149	BUI THI SU	17/12/1960	NA BO, SAO BAY, KIM BOI, HOA BINH	VN20190149
114	VN20190150	NGUYEN THI NGOC CHANH	20/09/1987	PHU TIEN, TRUNG NGHIA, VUNG LIEM, VINH LONG	N101151
115	VN20190155	TRAN THI HOA	15/08/1989	XOM 6, XUAN TUONG, THANH CHUONG, NGHE AN	VN20190155
116	VN20190162	NGUYEN THI KIM CHI	24/07/1963	71 TRAN QUY CAP, Q. HAI CHAU, DA NANG	VN20190162
117	VN20190173	NGUYEN THI THUY TRANG	06/06/1976	BINH KHANH 7, BINH KHANH, LONG XUYEN, AN GIANG	N101407
118	VN20190177	PHAN THI KIM XUAN	01/01/1994	AP BINH HOA, TT BINH DAI, BEN TRE	VN20190177
119	VN20190183	NGUYEN THI THANH THUY	01/01/1963	BINH PHU QUOI, DANG HUNG PHUOC, CHO GAO, TIEN GIANG	VN20190183
120	VN20190184	TRINH THI NGUYEN	10/02/1991	THON 13, DAI GIANG, HOANG CHAU, HOANG HOA, THANH HOA	VN20190184
121	VN20190186	DANG THI THU HAO	31/08/2000	THON 7, XA DA OAI, DA HOAI, LAM DONG	VN20190186
122	VN20190188	VI THI NA	06/11/1982	SO NHA 13, NGO 20, MY DINH, NAM TU LIEM, HN	VN20190188
123	VN20190193	NGUYEN THI LY	11/05/1992	RACH COC, TAN AN LUONG, VUNG LIEM, VINH LONG	VN20190193
124	VN20190194	LE THI THAO	20/12/1969	HAM CUONG, HAM THUAN NAM, BINH THUAN	VN20190194
125	VN20190196	DANG TAM THANH	01/01/1981	AP TAN DINH, X. TAN THOI, H. TAN PHU DONG, TIEN GIANG	N101757
126	VN20190200	VO THI NGOC LINH	10/10/1977	LO 9 C2, TRAN DAI NGHIA, RACH GIA, KIEN GIANG	N102463
127	VN20190207	NGUYEN HONG NHUNG	16/05/1989	TOA CT11, KDT KIM VAN KIM LU, DAI KIM, HOANG MAI, HN	VN20190207
128	VN20190213	NGUYEN PHUC THINH	30/10/1972	29 TRAN QUY CAP, TP. DA NANG	VN20190213
129	VN20190214	NGUYEN QUANG VINH	09/08/1971	109D THANH THUY, Q. HAI CHAU, TP. DA NANG	VN20190214
130	VN20190217	HUYNH MINH TRI	01/01/1985	AP RACH BEO, X. LONG DUC, TP. TRA VINH, TRA VINH	VN20190217
131	VN20190222	NGUYEN HOANG HA	02/11/1982	THANH PHONG, YEN LUONG, GO CONG TAY, TIEN GIANG	VN20190222
132	VN20190236	TRAN THI THU GIANG	31/07/1985	PHUONG HOANG, THANH HA, HAI DUONG	VN20190236
133	VN20190245	NGUYEN THI LINH	05/03/1973	THON 2, DIEN DONG, DIEN KHANH, KHANH HOA, NHA TRANG	VN20190245

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
134	VN20190249	HUYNH CONG LUOM	25/12/1979	AP TIEN THACH, TIEN LONG, CHAU THANH, BEN TRE	N102481
135	VN20190253	DIEN THI VUI	14/12/1990	DUONG 10, CHO BOI, NINH PHUC, TX. NINH BINH, NINH BINH	VN20190253
136	VN20190261	LE THI HUYEN TRANG	17/02/1990	5/322, DIEN BIEN. TP.NAM DINH	VN20190261
137	VN20190262	NGUYEN VIET CHINH	19/04/1970	268 DUONG TRAN PHU, TP HA GIANG	VN20190262
138	VN20190264	NGUYEN THI MAI HUONG	10/05/1985	TO 7. P.CHUONG LE, TP.SON LA	VN20190264
139	VN20190265	BUI DANG TRINH	04/10/1982	P36,TANG 34, TOA CT, KDT KIM VAN KIM LU, HOANG MAI, HN	VN20190265
140	VN20190266	NGUYEN THI BICH NGA	19/12/1970	SO NHA 86, DUONG TO HIEU, TK4, TT MOC CHAU, MOC CHAU, SON LA	VN20190266
141	VN20190272	NGUYEN THI LOC	27/11/1990	NGHIA KHANH, NGHIA DAN, NGHE AN	VN20190272
142	VN20190276	NGUYEN PHU HUU	03/10/1990	KHOM 3, P2, TP CAO LANH, DONG THAP	VN20190276
143	VN20190280	NGUYEN VAN DUNG	01/01/1967	THANH LOI 2, TRUNG AN, CO DO, TP. CAN THO	VN20190280
144	VN20190287	VU THI THAO	21/06/1998	THON 4, XA DA HUOAI, LAM DONG	VN20190287
145	VN20190288	NGUYEN THI XUAN LUONG	12/07/2053	81 TRUONG SA, PHUOC LONG, NHA TRANG, KHANH HOA	VN20190288
146	VN20190289	NGUYEN DINH DUNG	10/01/1969	180 THON 3, CAM PHUC, CAM XUYEN, HA TINH	VN20190289
147	VN20190291	TRAN THI TRUC HUYEN	14/07/1986	AP DONG, KIM SON, CHAU THANH, TIEN GIANG	N101850
148	VN20190293	TRAN TUAN MINH	12/07/1983	DUY NINH, QUANG NINH, QUANG BINH	VN20190293
149	VN20190294	NGUYEN THI KIM LIEN	01/01/1963	336 KHOM 8, P.7, TP TRA VINH, TRA VINH	VN20190294
150	VN20190301	NGUYEN HUU DUC	20/02/1968	HOA DONG, TT.DUC PHONG, BU DANG, BINH PHUOC	N102482
151	VN20190308	PHAN THI THANH THUY	12/09/1980	TU TRA, DON DUONG, LAM DONG	VN20190308
152	VN20190313	LE QUANG VINH	23/07/1960	272 TO 5, TRAN PHU, TP HA GIANG, TINH HA GIANG	VN20190313
153	VN20190325	NGUYEN THI THANH TUYEN	01/01/1987	MY SON, TAY PHU SON, CHO LACH, BEN TRE	N102051
154	VN20190326	DO THI NGOC THUONG	12/04/1983	HOA PHU, LONG BINH, GO CONG TAY, TIEN GIANG	VN20190326
155	VN20190331	TRAN THAI SON	04/12/1968	THON 2, X. GIA HUYNH, H TAN LINH, BINH THUAN	VN20190331
156	VN20190332	NGUYEN THI THANH HOA	06/07/1988	TAN LAP, DAN PHUONG, HA TAY	VN20190332
157	VN20190336	NGO MINH TUYET	19/09/1981	TT LOC BINH, HUYEN LOC BINH, TINH LANG SON	VN20190336
158	VN20190341	HOANG THI THUY	19/07/1984	XOM 2, GIAP TU, THINH LIET, HOANG MAI, HN	VN20190341
159	VN20190342	VO VAN TRUNG	01/01/1970	VINH THUAN, VINH BINH, VINH THANH, CAN THO	VN20190342
160	VN20190343	NGUYEN DUY PHUONG	24/12/1974	AP GIONG CAT, LONG HOA, TX GO CONG, TIEN GIANG	VN20190343
161	VN20190344	MAI THI TIEN	10/10/1985	AP PHUOC TRUNG, PHUOC MY TRUNG, MO CAY BAC, BEN TRE	VN20190344
162	VN20190357	TRAN MINH TRI	01/01/1982	LONG TRI A, LONG MY, HAU GIANG	VN20190357
163	VN20190371	PHAM THI HOA	01/07/1967	TIEU KHU 19/5, TT.NONG TRUONG, MOC CHAU, SON LA	VN20190371
164	VN20190372	TRAN THI NGA	25/01/1979	SO 84, PHO CHU VAN AN, TKII, TT YEN CHAU, SON LA	VN20190372
165	VN20190374	NGUYEN HUY MINH	12/12/1974	THON 12, PHUONG HOANG, THANH HA TINH, HAI DUONG	VN20190374
166	VN20190379	NGUYEN THI THANG	05/06/1972	P.TAN LAP, TP.THAI NGUYEN, T.THAI NGUYEN	VN20190379
167	VN20190391	HO THI MY	27/01/1954	CH G1.6, CC CHO DAM, XUONG HUAN, NHA TRANG, KHANH HOA	VN20190391

1-C
 NH
 VIEN
 IAI
 HO CH

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
168	VN20190394	TA THI HUONG	01/01/1967	540-544 THONG NHAT, TP.PHAN RANG THAP CHAM, NINH THUAN	VN20190394
169	VN20190396	HO MY LE	22/02/1996	30A DUONG SO 14, P.LINH DONG, THU DUC, TPHCM	VN20190396
170	VN20190397	NGUYEN VU HOANG	15/06/1996	241/57 PHU SON, CHO LACH, BEN TRE	VN20190397
171	VN20190401	TRUONG THI THU THUAN	26/07/1986	KRONG KMAR, KRONG BONG, DAK LAK	VN20190401
172	VN20190402	NGUYEN THI HUE	10/09/1980	PHUONG HOANG, THANH HA, HAI DUONG	VN20190402
173	VN20190406	PHAM THI THIEN	14/07/1978	TAN DUC, HAM TAN, BINH THUAN	VN20190406
174	VN20190411	LE THI CHUNG	17/05/1970	TO 6, KHU 12, HONG HAI, HA LONG, QUANG NINH	VN20190411
175	VN20190420	DINH THI DANG	06/10/1979	AP VINH TUONG, HUNG PHU, PHUOC LONG, BAC LIEU	VN20190420
176	VN20190425	NGUYEN THI HUE	29/08/1979	THON K2 REN,HIEP AN, DUC TRONG, LAM DONG	VN20190425
177	VN20190428	TO THI KIM TRUC	10/09/1989	KINH 2B, PHUOC LAP, TAN PHUOC, TIEN GIANG	VN20190428
178	VN20190429	LE THI THUY	01/01/1973	AP KINH 2B, XA PHUOC LAP, TAN PHUOC, TIEN GIANG	VN20190429
179	VN20190430	DUONG VAN DANH	26/06/1981	AP 5, BINH XUAN, THI XA GO CONG, TIEN GIANG	VN20190430
180	VN20190442	BUI DUC THO	22/08/1977	XOM QUANG TIEN 2, THON GIAP BA, QUANG TRUNG, VU BAN, NAM DINH	VN20190442
181	VN20190464	NGUYEN THI NHANH	01/01/1963	NGUYEN PHINH, U MINH, CA MAU	VN20190464
182	VN20190475	TRAN THI DONG	08/06/1968	THANH LAM, ME LINH, HA NOI	VN20190475
183	VN20190494	NGUYEN TUAN MINH	28/08/1985	RACH COC, TAN AN LUONG, VUNG LIEM, VINH LONG	VN20190494
184	VN20190496	HO THI THANH HOA	11/10/1961	KCC NAI HIEN, T51209, TRAN THANH TONG, AN HAI DONG, SON TRA, DA NANG	VN20190496
185	VN20190497	PHAM THI LAI	01/01/1979	118/88 PHU SON, CHO LACH, BEN TRE	VN20190497
186	VN20190507	NGUYEN THI BICH HUYEN	26/10/1997	TAN HOA THANH, TAN PHUOC, TIEN GIANG	VN20190507
187	VN20190512	NGUYEN THI KIM NGA	12/02/1969	29 TRAN QUY CAP, TP. DA NANG	VN20190512
188	VN20190514	NGUYEN THI LUU	20/05/1964	09 CAO XUAN DUC, TP HUE, THUA THIEN-HUE	VN20190514
189	VN20190516	PHAM THI BE	16/10/1949	129/5 CHAU THI TE, P.MY LONG, TP.LONG XUYEN, AN GIANG	VN20190516
190	VN20190536	DONG HUU LAP	12/05/2001	NGUYEN GIAP, TU KY, HAI DUONG	VN20190536
191	VN20190546	HOANG THI THANH HUONG	28/02/1985	KIET 151 AU CO, P. HOA KHANH BAC , Q.LIEN CHIEU, DA NANG	VN20190546
192	VN20190547	NGUYEN THI TOI	12/10/1988	KIET 282, NGUYEN VAN CU,P.HOA HIEP BAC, Q.LIEN CHIEU, DA NANG	VN20190547
193	VN20190554	DINH THI VAN	05/03/1968	TIEU KHU BO KUN, T.T NONG TRUONG, MOC CHAU, SON LA	VN20190554
194	VN20190583	PHAM THI KIM ANH	01/09/1963	77/22, HUNG VUONG, P10, DA LAT, LAM DONG	VN20190583
195	VN20190586	MAI TRUC GIANG	02/04/1978	94A/8, KV1, TRA NOC, BINH THUY, CAN THO	VN20190586
196	VN20190588	VO NGOC THUAN	01/01/1978	AN THAI, AN KHANH, CHAU THANH, DONG THAP	VN20190588
197	VN20190591	NGUYEN TAN HUNG	01/01/1983	BINH PHU QUOI, DANG HUNG PHUOC, CHO GAO, TIEN GIANG	VN20190591
198	VN20190596	PHAM VAN HUNG	27/03/1973	THON BINH CACH,HA THANH, TU KY, HAI DUONG	VN20190596
199	VN20190599	PHAM THE CHUNG	07/02/1981	TO 7, PHUONG CHUNG LE, TP SON LA, SON LA	VN20190599
200	VN20190608	LE THI THANH NGA	26/01/1988	3/154/173, HANG KENH, HANG KENH, LE CHAN, HAI PHONG	VN20190608

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
201	VN20190609	DINH THI LUN	26/12/1962	EA KTUR, CU KUIN, DAK LAK	VN20190609
202	VN20190617	NGUYEN THI KIM THOA	15/08/1966	KHOM 1, P.1, TP. BAC LIEU, BAC LIEU	VN20190617
203	VN20190620	NGUYEN HUU THUAN	27/09/1968	SO NHA 86, DUONG TO HIEU, TK4, TT MOC CHAU, H. MOC CHAU, SON LA	VN20190620
204	VN20190624	NGUYEN VAN PHUONG	04/08/1973	DONG THINH, SONG LO, VINH PHUC	VN20190624
205	VN20190626	PHAN THI THUY HUONG	29/11/1997	MY HOA, PHU MY, BINH DINH	VN20190626
206	VN20190627	TRAN DUC THANH	25/06/1973	115/11/8 GIAI PHONG TAN LOI, TP.BUON MA THUOC, DAK LAK	VN20190627
207	VN20190630	TO THI BI	01/01/1954	TAN THANH, TAN LY DONG, CHAU THANH, TIEN GIANG	VN20190630
208	VN20190640	NGUYEN THI HA	01/01/1959	HUNG XUAN, HUNG NGUYEN, NGHE AN	VN20190640
209	VN20190644	DO THI GIANG	28/05/1983	TO 1, PHUC LOI, LONG BIEN, HA NOI	VN20190644
210	VN20190647	NGUYEN PHUONG NGOC MAI	19/01/1987	CAN REO, LIEN HIEP, DUC TRONG, LAM DONG	VN20190647
211	VN20190648	PHAM VAN KHOA	03/08/1985	GAN REO, LIEN HIEP, DUC TRONG, LAM DONG	VN20190648
212	VN20190650	LAM THE SAU	01/01/1930	TAN HUNG, TAN THANH, LAI VUNG, DONG THAP	VN20190650
213	VN20190651	LAM THI TINH	01/01/1939	52/9 BAC SON, P11, VUNG TAU, BA RIA-VUNG TAU	VN20190651
214	VN20190655	DUONG KHAC HAI	19/05/1970	THI TRAN N-T MOC CHAU, MOC CHAU, SON LA	VN20190655
215	VN20190656	HOANG THI XUAN	03/01/1985	SO NHA 144, DUONG LY THUONG KIET, TO 1, P.NGOC HA, HA GIANG	VN20190656
216	VN20190661	DANG THI HUYEN	08/09/1964	SO 73/69, CHO CON, TRAI CAU. LE TRAN, HAI PHONG	VN20190661
217	VN20190665	TRINH THI BINH	05/07/1976	HA BAC, HA TRUNG, THANH HOA	VN20190665
218	VN20190666	TRAN TUAN ANH	01/10/1996	X. VAN YEN, H.DAI TU, T.THAI NGUYEN	VN20190666
219	VN20190667	LY THI LAN	19/11/1994	X. VAN YEN, H.DAI TU, T.THAI NGUYEN	VN20190667
220	VN20190668	LY THI MY	08/04/1990	X. VAN YEN, H.DAI TU, T.THAI NGUYEN	VN20190668
221	VN20190669	NGO THI HONG VAN	23/04/1975	THANH CONG, GO CONG TAY, TIEN GIANG	VN20190669
222	VN20190670	PHAM VAN MANH	10/12/1966	3 NGU BINH, TP.HUE, THUA THIEN -HUE	VN20190670
223	VN20190680	LE HOANG MINH PHU	06/02/1990	KP1, TT.PHUOC DAN, NINH PHUOC, NINH THUAN	VN20190680
224	VN20190687	DOAN GIA BAO	22/10/1997	PHU AN, CHAU THANH, HAU GIANG	VN20190687
225	VN20190701	TRAN THI THU HANG	04/01/1966	AN BINH, AN CU, CAI BE, TIEN GIANG	VN20190701
226	VN20190705	HPI NIE KDAM	07/07/1985	06 AU CO, EA TAM, BUON MA THUOT, DAK LAK	VN20190705
227	VN20190713	VU THI LOAN	20/08/1968	X. DONG QUY, TIEN HAI, THAI BINH	VN20190713
228	VN20190715	VU THI THOM	24/10/1986	168 DUONG 25, KV4, AN KHANH, NINH KIEU, CAN THO	VN20190715
229	VN20190718	HUYNH THI THANH XUAN	21/04/1998	73 PHAN HIEN DAO, P7, TP. MY THO, TIEN GIANG	VN20190718
230	VN20190720	HUYNH TRONG PHUC	05/05/2001	73 PHAN HIEN DAO, P7, TP MY THO, TIEN GIANG	VN20190720
231	VN20190726	TRUONG MINH NGOAN	11/10/1979	KV TRUONG THO 2, TAN LOC, THOT NOT, CAN THO	VN20190726
232	VN20190727	LUONG VAN CUONG	08/03/1993	TAN 2, LOC PHU, LOC NINH, BINH PHUOC	VN20190727
233	VN20190732	BUI DUC THO	22/01/1987	TIEU KHU 69, TT NONG TRUONG MOC CHAU, HUYEN MOC CHAU, SON LA	VN20190732
234	VN20190738	PHAM THI BE HAI	01/01/1953	44/18 DUONG SO 2, KP9, P.BINH HUNG HOA A, BINH TAN, TPHCM	VN20190738



STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
235	VN20190747	UNG MINH ANH THU	01/01/1983	BINH PHU QUOI, DANG HUNG PHUOC, CHO GAO, TIEN GIANG	VN20190747
236	VN20190752	NGUYEN THI KIEU CHINH	11/04/1977	AP 2, PHU AN, HUYEN CAI LAY, TIEN GIANG	VN20190752
237	VN20190753	NGUYEN VAN KHANH	14/08/1968	TIEU KHI 84-85, THI TRAN NONG TRUONG, H.MOC CHAU, SON LA	VN20190753
238	VN20190760	MAI THI THU TRANG	28/11/1991	THI TRAN CHU TY, HUYEN DUC CO, GIA LAI	VN20190760
239	VN20190763	NGUYEN DINH LUONG	13/04/1985	XA IA NAN, HUYEN DUC CO, GIA LAI	VN20190763
240	VN20190766	QUAN THI THUY BINH	05/02/1979	DONG TIEN, UNG HOA, HA TAY	VN20190766
241	VN20190767	HO THI HIEN	13/02/1987	THON 2, KRONG JING, M'DRAK, DAK LAK	VN20190767
242	VN20190768	DOAN THI YEN	08/09/1982	THI TRAN CHU PRONG, HUYEN CHU PRONG, GIA LAI	VN20190768
243	VN20190772	VU DINH TRUC	02/09/1977	51/4A THU KHOA HUAN, P.1, TP MY THO, TIEN GIANG	VN20190772
244	VN20190774	TO THI HONG LINH	01/01/1985	TAN BINH, TAN LAP 2, TAN PHUOC, TIEN GIANG	VN20190774
245	VN20190775	NGUYEN HOANG THAM	11/06/1993	LIEN HIEP, DUC TRONG, LAM DONG	VN20190775
246	VN20190776	LE MINH TU	15/08/1993	PHUOC LAP, TAN PHUOC, TIEN GIANG	VN20190776
247	VN20190796	LE THI TRANG	26/06/1989	XOM 3, DINH HOA, KIM SON, NINH BINH	VN20190796
248	VN20190798	VU THI DINH	03/04/1966	THAI THINH, THAI THUY, THAI BINH	VN20190798
249	VN20190799	HA HIEN LUONG	28/12/1973	THUY HUNG, THAI THUY, THAI BINH	VN20190799
250	VN20190802	PHAN THI QUANG	12/05/1989	TAN MOC, LUC NGAN, BAC GIANG	VN20190802
251	VN20190807	TRAN CHI HIEU	29/12/1983	AP HOA THUAN 2, HOA LOC, MO CAY BAC, BEN TRE	VN20190807
252	VN20190812	LUU CAM AN	19/02/1988	34 BA HUYEN THANH QUAN, RACH GIA, KIEN GIANG	VN20190812
253	VN20190821	DUONG THI THUY	24/08/1982	BUON KNIET, XA EA KTUR, HUYEN CU KUIN, DAK LAK	VN20190821
254	VN20190823	NGUYEN THI HUONG	29/11/1978	TO 35, THANH XUAN NAM, THANH XUAN, HA NOI	VN20190823
255	VN20190824	NGUYEN THI KHEN	13/02/1965	AP NHAT, NGAI TU, TAM BINH, VINH LONG	VN20190824
256	VN20190835	NGUYEN VIET THO	26/06/1971	XA GLAR, H.DAK DOA, GIA LAI	VN20190835
257	VN20190842	NGUYEN THI THAM	06/02/1985	HUNG TIEN, H.HUNG YEN, NGHE AN	VN20190842
258	VN20190843	NGUYEN CONG SON	01/01/1970	DANG PHONG, DANG HUNG PHUOC, CHO GAO, TIEN GIANG	VN20190843
259	VN20190853	NGUYEN THI HIEN	01/11/1969	267 DUONG NGUYEN HUE, TT.TUY PHUOC, H.TUY PHUOC, BINH DINH	VN20190853
260	VN20190856	NGUYEN THI LE HANG	07/11/1979	SO 39, BUI THI XUAN, BAO LOC, LAM DONG	VN20190856
261	VN20190863	VU THI THANH HIEN	14/08/1963	67/5A. TRAN HUNG DAO, P6, MY THO, TIEN GIANG	VN20190863
262	VN20190864	VU DUONG VI TRIEU	24/12/1998	67/5A TRAN HUNG DAO, MY THO, TIEN GIANG	VN20190864
263	VN20190869	BUI THI LOI	01/01/1964	AP NHI NGUYET, TRAN PHAP, DAM DOI, CA MAU	VN20190869
264	VN20190874	NGUYEN THI NGOC	02/01/1991	XOM 5, X.HUNG KHANH, H.HUNG NGUYEN, NGHE AN	VN20190874
265	VN20190875	SON THI THI DA	14/04/1990	BAO MON, DON CHAU, DUYEN HAI, TRA VINH	VN20190875
266	VN20190877	TA HOANG TRUNG	29/09/1969	TAN LAC, BAO LAM, LAM DONG	VN20190877
267	VN20190878	VO THI NGA	02/04/1968	TO 2, P.LOC SON, TP.BAO LOC, LAM DONG	VN20190878
268	VN20200002	LE THI HONG LE	07/10/1984	TO 14, DUONG CACH MANG THANG 8, P.GIA SANG, TP.THAI NGUYEN, T.THAI	VN20200002

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
269	VN20200006	TA VAN SAN	28/07/1983	THON SON KIEU, X.CHAN HUNG, H.VINH TUONG,VINH PHUC	VN20200006
270	VN20200012	HUYNH THI KIM LOAN	01/01/1970	HUNG NGAI, X.DANG HUNG PHUOC,CHO GAO, TIEN GIANG	VN20200012
271	VN20200016	DANG QUOC KHANH	11/09/1978	329 LE HONG PHONG, PHUOC LONG, NHA TRANG, KHANH HOA	VN20200016
272	VN20200027	VU THI DIEU HIEN	09/10/1989	TDP 3, P.BINH TAN, TX BUON HO, DAK LAK	VN20200027
273	VN20200031	PHAM THI HOAN	01/01/1985	TAN THOI, TAN QUOI, THANH BINH, DONG THAP	VN20200031
274	VN20200032	VO TRAN DIEM TRANG	14/03/1995	45A9, DOI CAN, P.LOC SON, TP.BAO LOC, LAM DONG	VN20200032
275	VN20200034	TRAN THI HUYEN TRAN	07/03/1977	BINH LONG 2, MY BINH, LONG XUYEN, AN GIANG	VN20200034
276	VN20200038	LE THI THANH	11/06/1986	DUONG TAN QUANG, TO 17, P. GIA SANG, TP. THAI NGUYEN	VN20200038
277	VN20200039	PHUNG THI SI RAL	01/01/1966	NGA CHANH, HIEU NHON, VUNG LIEM, VINH LONG	VN20200039
278	VN20200047	NGUYEN THANH QUANG	03/04/1962	THON 1, XA EA BHOK, CU KUIN, DAK LAK	VN20200047
279	VN20200054	NGUYEN THI PHUONG	15/11/1961	25 TRAN HUNG DAO, TP. KON TUM, KON TUM	VN20200054
280	VN20200056	DOAN THI THUY	18/10/1978	AP CHO, TAN TIEN, DONG PHU, BINH PHUOC	VN20200056
281	VN20200057	NGUYEN THI NGOC QUY	20/01/1973	TO 50, VINH TRUNG, Q.TANH KHE, TP.DA NANG	VN20200057
282	VN20200076	NGUYEN THANH DUNG	20/02/1976	51/35, TRAN QUY CAP, P.TAN LAP, TP BUON MA THUOT	VN20200076
283	VN20200077	NGUYEN THI THU THAO	12/08/1983	354 TRA QUIT A, TT.CHAU THANH, H.CHAU THANH, SOC TRANG	VN20200077
284	VN20200095	TRIEU VO TRUNG TINH	20/10/1998	PHUONG 4, TT VI THANH, HAU GIANG	VN20200095
285	VN20200103	LE MINH TUONG	06/07/1959	AN NONG, TRIEU SON, THANH HOA	VN20200103
286	VN20200120	NGUYEN XUAN HOA	15/03/1991	KHU 6, NGO XA, CAM KHE, PHU THO	VN20200120
287	VN20200126	PHAN VIET THANH	01/01/1979	DUC THIEN, DUC PHONG, BU DANG	VN20200126
288	VN20200131	NGUYEN THI NHANH	23/04/1968	BINH PHU QUOI, CANG HUNG PHUOC, CHO GAO, TIEN GIANG	VN20200131
289	VN20200142	NGO VAN PHAM	22/12/1976	NGU THUY, BAC LE THUY, QUANG BINH	VN20200142
290	VN20200159	NGUYEN DUY PHAT	19/04/1990	THI TU, TT.SOC SON, HON DAT, KIEN GIANG	VN20200159
291	VN20200161	HOANG MINH THANG	26/03/1986	TAY TRA, QUE AN, QUE SON, QUANG NAM	VN20200161
292	VN20200167	CAO THI ANH LOAN	01/01/1963	KP XUAN DONG, P.TAN THIEN, TX.DONG XOAI, BINH PHUOC	VN20200167
293	VN20200171	HA VAN HUNG	02/12/1962	XUAN DONG,P. TAN THIEP, TX DONG XOAI,BINH PHUOC	VN20200171
294	VN20200172	LE THI THANH PHUONG	17/12/1982	KV9,P.TRAN QUANG DIEU,TP.QUY NHON, BINH DINH	VN20200172
295	VN20200173	VU THI MY LINH	14/09/1997	DONG QUY, H.TIEN TAI, THAI BINH	VN20200173
296	VN20200177	TRAN PHUONG NAM	28/10/1959	83/13, NGUYEN VAN LINH, TP.BUON MA THUOT,DAK LAK	VN20200177
297	VN20200179	NGUYEN MONG HUNG	05/10/1966	THON TAN HIEP, X.TAN VAN, LAM HA, LAM DONG	VN20200179
298	VN20200181	NGUYEN THANH DIEN	22/04/1987	QUANG KHUONG, QUON LONG, CHO GAO, TIEN GIANG	VN20200181
299	VN20200196	MAI THI HOA	01/10/1983	LAI CACH, CAM GIANG, HAI DUONG	VN20200196
300	VN20200198	LE THI HUONG	16/07/1982	THON 6, DAN QUYEN, TRIEU SON, THANH HOA	VN20200198
301	VN20200201	NGUYEN THI KIM TUYEN	07/02/1976	KV PHUOC LOC, TAN LOC, THOT NOT, CAN THO	VN20200201
302	VN20200208	VU QUANG TUAT	25/05/1958	THON 9, LONG SON, VUNG TAU, BA RIA- VUNG TAU	VN20200208

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
303	VN20200213	NGUYEN THI HUONG	16/06/1984	BAO THAP, KIM HOA, ME LINH, HA NOI	VN20200213
304	VN20200217	DO THI THUY DUNG	06/04/1980	PHUNG SON, SONG PHUNG, LONG PHU, SOC TRANG	VN20200217
305	VN20200226	NGUYEN THANH HA	10/02/1970	NHA LK60, KDT BAC HA, MO LAO, HA DONG, HA NOI	VN20200226
306	VN20200229	MAI THI HOA MO	22/10/1991	XOM 9B, LAI THANH, KIM SON, NINH BINH	VN20200229
307	VN20200232	DANG NGOC THONG	10/02/1953	AP 2, DC LIEU, BU DANG, BINH PHUOC	VN20200232
308	VN20200239	NGUYEN THI TRANG	10/10/1985	TO 2, LONG BIEN, LONG BIEN, HA NOI	VN20200239
309	VN20200241	NGUYEN THI MY HANH	27/12/1996	KV PHUOC LOC, TAN LOC, THOT NOT, CAN THO	VN20200241
310	VN20200244	DOAN THI KIM BINH	04/04/1975	290 LE DUAN, TP.DA NANG	VN20200244
311	VN20200261	NGUYEN THI BICH HANH	01/01/1974	TRUNG HUNG, CO DO, CAN THO	VN20200261
312	VN20200266	DUONG QUANG HUY	18/06/1973	TO 14, BAC SON, KIEN AN, HAI PHONG	VN20200266
313	VN20200273	NGUYEN THI MAI	10/02/1988	DUC PHONG, MO DUC, QUANG NGAI	VN20200273
314	VN20200289	NGUYEN DIEU LINH	02/01/1983	169A NGUYEN THIA HOC, DIEN BIEN, BA DINH, HA NOI	VN20200289
315	VN20200293	NGUYEN THE THANG	10/01/1979	TO 2, LONG BIEN, LONG BIEN, HA NOI	VN20200293
316	VN20200295	TRAN VAN DO	04/10/1991	BINH HOA THUONG, THUONG THOI HAU A, HONG NGU, DONG THAP	VN20200295
317	VN20200297	PHAM KIM THUONG	29/08/1974	NGHIA CAM, CAM NGHIA, CAM RANH, KHANH HOA	VN20200297
318	VN20200304	DUONG THUAN YEN	01/01/2000	TAN AN TAY, NGOC HIEN, CA MAU	VN20200304
319	VN20200313	TRUONG TRINH TRUC CHI	11/02/1995	DUC THANG, PHAN THIET, BINH THUAN	VN20200313
320	VN20200314	NGUYEN THI YEN	20/12/1978	DUC NGHIA, TP.PHAN THIET, BINH THUAN	VN20200314
321	VN20200316	LE THI PHUONG THAO	24/09/1981	DUC THANG, PHAN THIET, BINH THUAN	VN20200316
322	VN20200317	TRAN QUANG TAC	20/05/1955	X.TUONG DA, H.CHAU THANH, BEN TRE	VN20200317
323	VN20200324	NGUYEN NGOC MINH TRANG	14/04/1992	XA PHU VIET, H.THANH HA, HA TINH	VN20200324
324	VN20200326	PHAN THI LIEN	02/09/1954	THI TRAN XUAN AN, NGHI XUAN , HA TINH	VN20200326
325	VN20210018	VU THI VAN ANH	29/01/2001	AP CHO, TAN TIEN, DONG PHU, BINH PHUOC	VN20210018
326	VN20210020	NGUYEN THI THOA	15/10/1966	TO 6, THANH BINH, THANH LUONG, TX. BINH LONG, BINH PHUOC	VN20210020
327	VN20210122	PHAM THI HOAN	09/04/1985	16B AP TAN THOI, TAN QUOI, THANH BINH, DONG THAP	VN20210122
328	VN20220100	TRAN THI PHUONG DUYEN	17/03/1978	BINH KHANH 2, BINH KHANH, LONG XUYEN, AN GIANG	VN20220100
329	VN20220114	HOANG NHU HANG	27/11/1990	BO Y, NGOC HOI, KON TUM	VN20220114
330	VN20130341	HUYNH PHUONG TRUNG	20/08/1972	AP 6 - PHUOC DONG - CAN DUOC - LONG AN	N100631
331	VN20150240	TIET XUAN DUNG	30/08/1960	221/5, KP2, P.TAN MAI, BIEN HOA, DONG NAI	N010125
332	VN20150394	VO QUOC DUNG	12/12/1960	210, KP3, TRUNG DUNG, BIEN HOA, DONG NAI	N009824
333	VN20160075	MAI THI NGA	10/11/1961	B52, KP5, TAN HIEP, BIEN HOA, DONG NAI	N009051
334	VN20180238	NGUYEN THI BUU LOC	12/08/1976	AP 1B. XA TAN TRACH,HUYEN CAN DUOC, LONG AN	N100534
335	VN20180412	HUYNH THI MY LINH	20/09/1970	HOA THANH, TAY NINH	N101037
336	VN20180461	TRAN NGOC PHUC NHAN	10/08/1987	AP 3, NHI THANH, THU THUA, LONG AN	N101536

C.T.
 H.H.
 YÊN
 31
 CHỈ

STT	Mã số người tham gia	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú	Số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp
337	VN20190022	NGUYEN THI LIEN	25/01/1970	3/35 KHU PHO BINH DUONG 1, DI AN, BINH DUONG	N101641
338	VN20190167	NGUYEN THANH AN	01/01/1978	DONG BIEN, TAY DONG, TAN CHAU, TAY NINH	N102389
339	VN20190527	LA TRONG DANH	01/01/1970	NINH DUC, NINH THANH, T.X TAY NINH	VN20190527
340	VN20190568	NGUYEN HONG SON	09/02/1970	KP3, PHUONG 3, T.T TAY NINH, TAY NINH	VN20190568
341	VN20190614	ON THI HIEN	20/02/1992	THUY TAY, THANH HOA, LONG AN	VN20190614
342	VN20190708	NGUYEN THI LAN	19/06/1960	HOI AN, TAN HOI, TAN CHAU, TAY NINH	VN20190708
343	VN20200001	TRẦN XUÂN ĐÀO	15/12/1966	KHU PHO 1, P.3, TX.TAY NINH, TAY NINH	VN20200001
344	VN20200066	TRAN VAN HOA	01/01/1974	AP PHUOC TINH, LONG HIEP, BEN LUC, LONG AN	VN20200066
345	VN20200105	ĐẶNG NGỌC TRINH	28/12/1961	32/59 DUONG CMT8, KP2, P.3, TAY NINH	VN20200105
346	VN20200224	NGUYEN THI NGA	01/01/1960	KHOI TRUNG, CAU KHOI, DUONG MINH CHAU, TAY NINH	VN20200224
347	VN20200269	PHAN LUONG NHAT MINH	27/04/1991	AP 1A, TAN TRACH, CAN DUOC, LONG AN	VN20200269
348	VN20210108	NGUYEN THI THANH	10/05/1971	AP PHU QUY 2, LA NGA, DINH QUAN, DONG NAI	VN20210108

